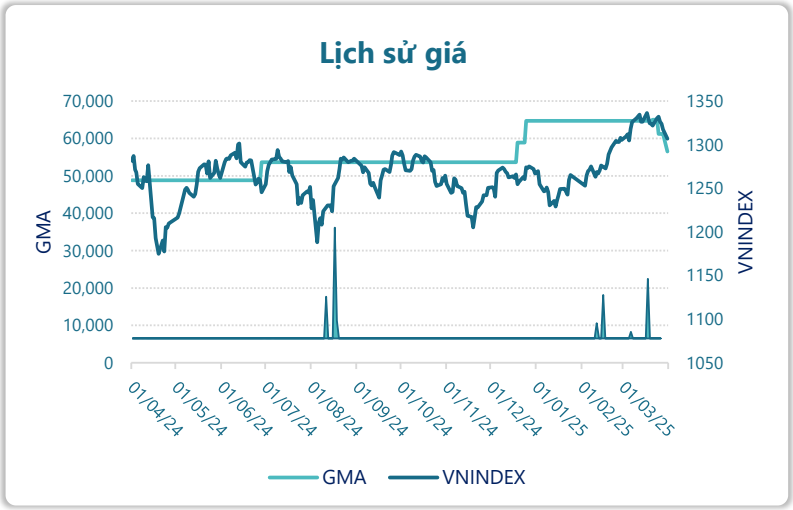
FireAnt

CTCP G-AUTOMOBILE (HNX: GMA)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**56,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	65,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	48,800
SL cổ phiếu LH	19,999,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,130
P/E	52.1
EPS	1,084

DT thuần

Q1/25

594

tỷ VNĐ

QoQ: ▼270| -31.3%

YoY: ▲ 31.0| 5.5%

LN sau thuế

Q1/25

2.96

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.17| -42.4%

YoY: ▲ 3.03| 4323%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.6%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

2024

2,812

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 47.0| 1.7%

LN sau thuế

2024

15.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.8| 5200%

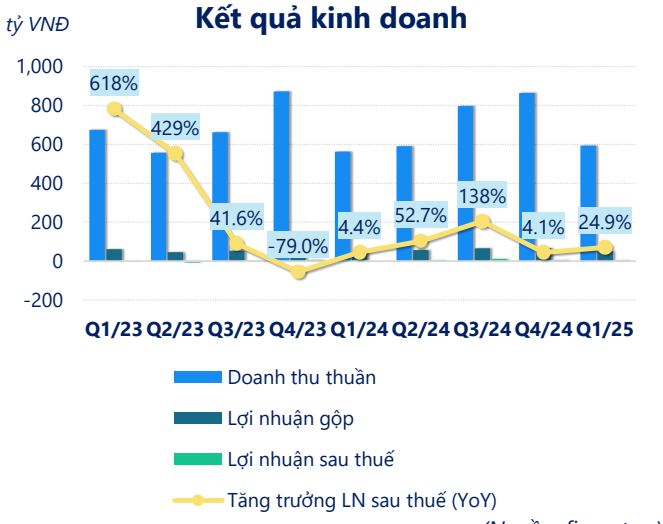
ROE

2024

3.0%

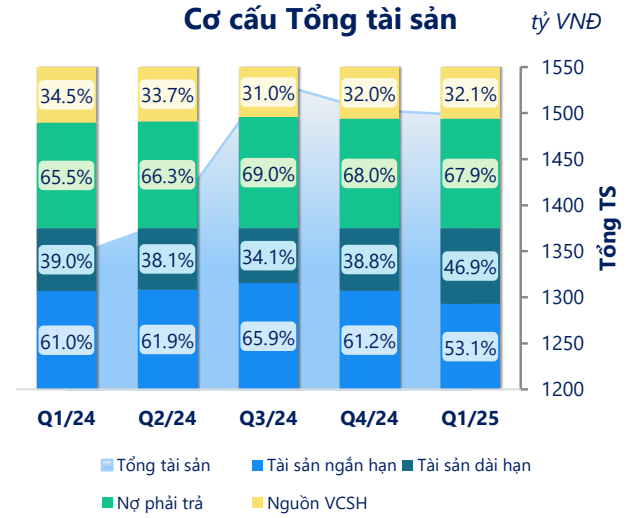
+/- YoY: ▲ 1.9%

Kết quả kinh doanh



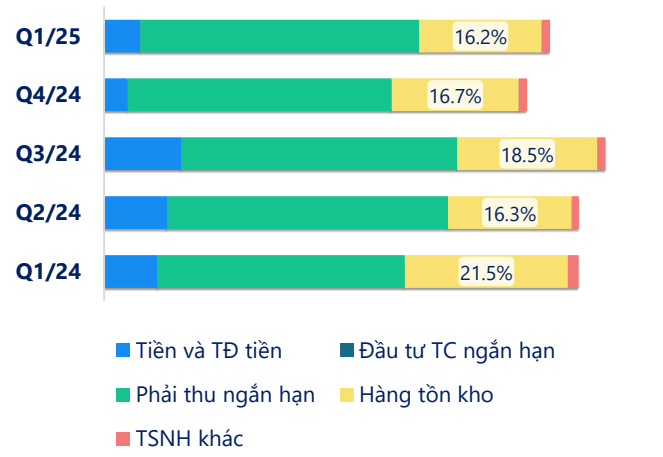
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



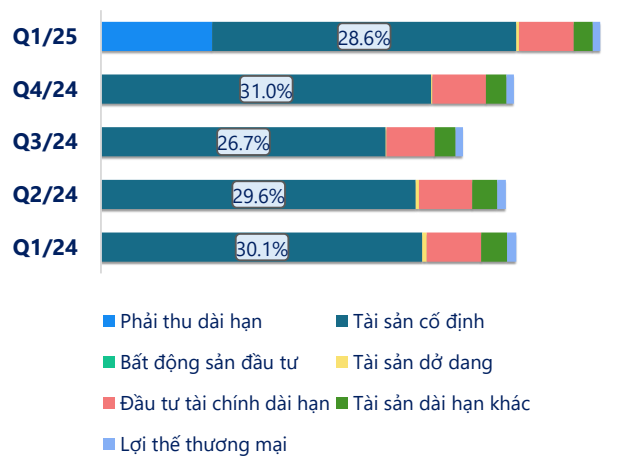
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



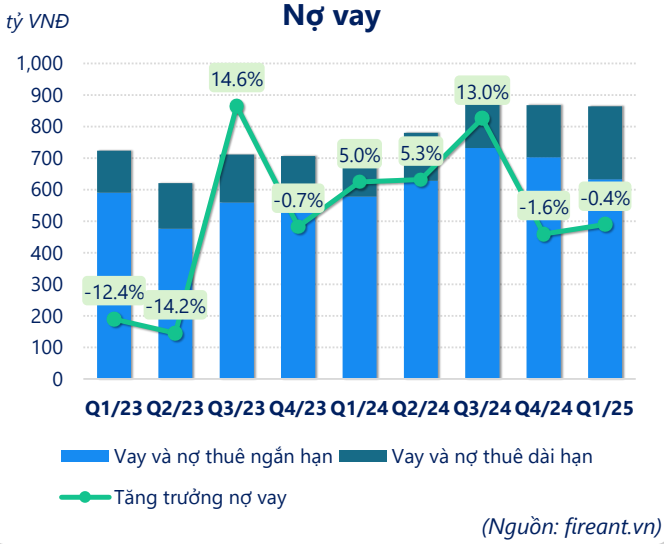
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



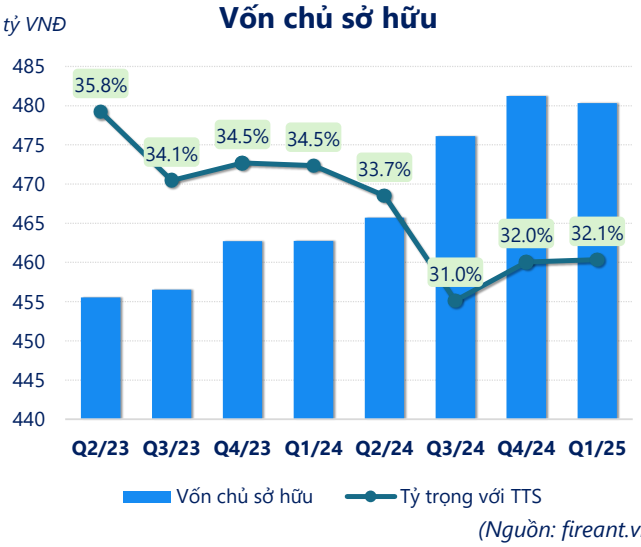
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



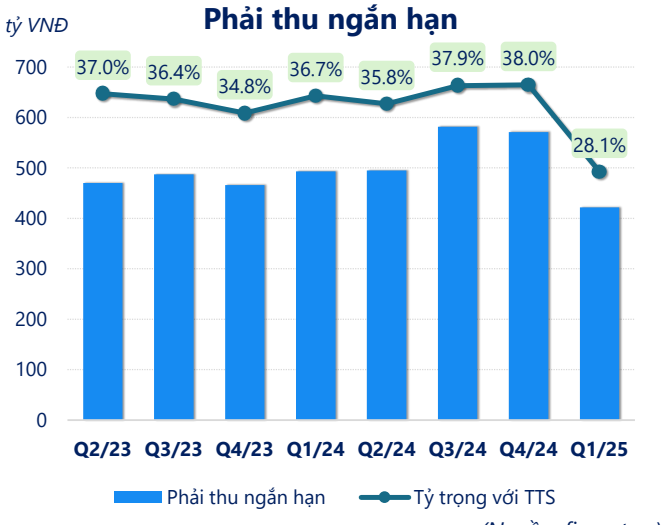
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



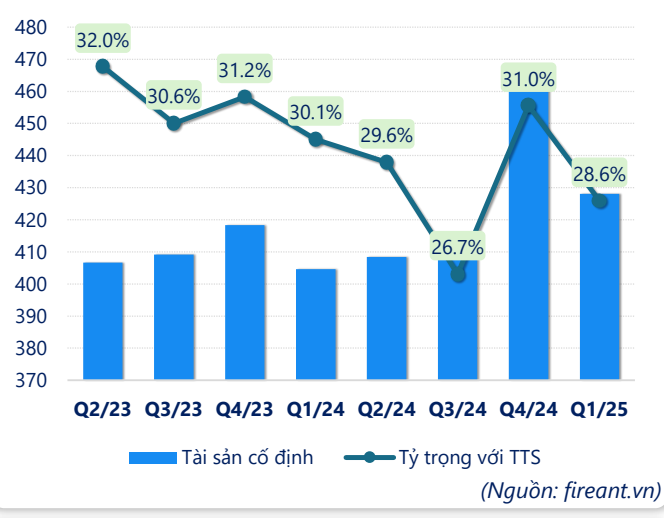
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



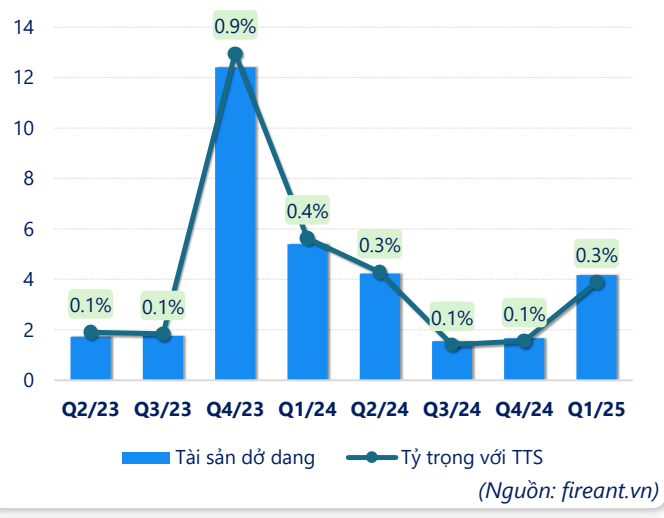
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



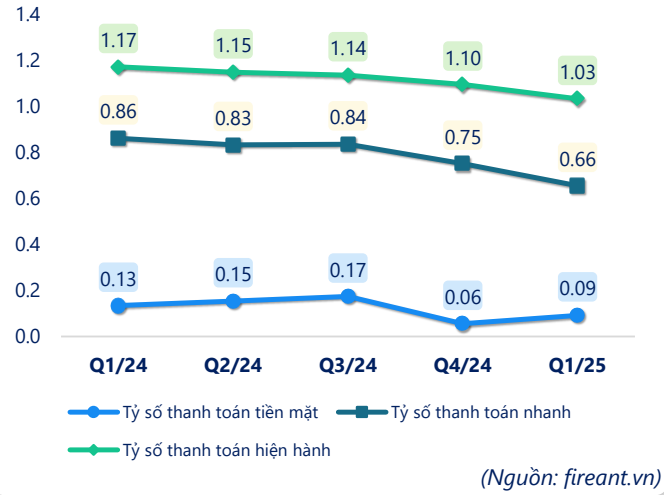
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



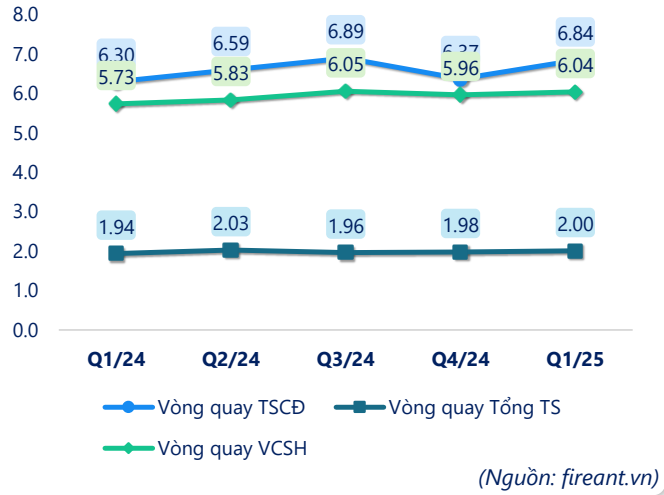
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,342**	**1,382**	**1,534**	**1,503**	**1,498**
Tài sản ngắn hạn	**818**	**856**	**1,012**	**920**	**795**
Tiền và tương đương tiền	93.8	115	155	46.7	71.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	493	495	582	571	422
Hàng tồn kho	217	235	267	289	291
Tài sản ngắn hạn khác	14.6	11.0	7.79	13.2	11.5
Tài sản dài hạn	**524**	**526**	**523**	**584**	**703**
Phải thu dài hạn	1.05	0.73	0.73	0.73	157
Tài sản cố định	405	408	410	466	428
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	5.40	4.23	1.55	1.67	4.17
Đầu tư tài chính dài hạn	68.9	69.1	69.3	75.7	77.0
Tài sản dài hạn khác	32.6	32.6	30.3	29.1	26.9
Lợi thế thương mại	11.5	11.2	10.8	10.5	10.1
Nợ phải trả	**880**	**916**	**1,058**	**1,022**	**1,017**
Nợ ngắn hạn	**698**	**745**	**891**	**839**	**769**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	578	629	732	703	633
Phải trả người bán ngắn hạn	33.3	28.4	53.2	43.9	62.8
Nợ dài hạn	182	171	168	183	248
Vay và nợ thuê dài hạn	163	152	150	165	231
Nguồn vốn chủ sở hữu	**463**	**466**	**476**	**481**	**480**
Vốn chủ sở hữu	**463**	**466**	**476**	**481**	**480**
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)